

Số: 624 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 12 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác, chế biến đá granit và đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Thành Công, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của: Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác, chế biến đá granit và đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Thành Công, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã họp ngày 24/9/2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường; Báo cáo kết quả thẩm định tại Tờ trình số 380/TTr-HĐTD-ĐTM ngày 08 tháng 10 năm 2021;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác, chế biến đá granit và đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Thành Công, xã Thành Long, huyện Hàm Yên của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Xây dựng Hoàng Sơn họp ngày 24/9/2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường đã được chỉnh sửa bổ sung, gửi kèm văn bản số 65/CV-HS ngày 06/10/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Xây dựng Hoàng Sơn;

Xét đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác, chế biến đá granit và đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Thành Công, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (sau đây được gọi là Dự án) của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Xây dựng Hoàng Sơn với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật (*phối hợp với Ủy ban nhân xã Thành Long tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã*).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy, nổ, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của dự án. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo kịp thời cho chính quyền địa phương các cơ quan chức năng để được chỉ đạo và phối hợp xử lý, chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên; Chủ tịch UBND xã Thành Long; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Xây dựng Hoàng Sơn; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH VT&XD Hoàng Sơn; (Chủ dự án)
- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Thành viên HĐ TD Báo cáo ĐGTDMT dự án;
- Chuyên viên: KS;
- Lưu VT, (Đ 30).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang

PHỤ LỤC**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ KHAI THÁC, CHẾ BIẾN ĐÁ GRANIT VÀ ĐÁ PHIẾN LÀM VẬT
LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG MỎ THÀNH CÔNG, XÃ THÀNH
LONG, HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Kèm theo Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư khai thác, chế biến đá Granit và đá phiến làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Thành Công, xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

1.2. Địa điểm thực hiện: Xã Thành Long, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Chủ đầu tư dự án: Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Xây dựng Hoàng Sơn.

- Địa chỉ: Số 4, đường Lê Hồng Phong, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Người đại diện: Ông Hoàng Minh Hùng, Chức vụ: Giám đốc.

- Quốc tịch: Việt Nam.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án:

- Loại hình dự án: Khai thác, chế biến vật liệu xây dựng thông thường

- Diện tích khu vực khai thác: 29,0 ha.

- Diện tích khu vực chế biến, phụ trợ: 1,0 ha (nằm trong khu vực diện tích khai thác mỏ)

- Diện tích khu vực quản lý, bảo vệ khoáng sản: 19,7 ha

- Trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác cấp 122 là 5.718.400 m³. Trong đó:

+ Thân khoáng sản số 1 (đới đá granit phong hóa hoàn toàn – đới litoma) là 2.112.355 m³;

+ Thân khoáng sản số 2 (đới đá granit bán phong hóa – đới saprolit) là 919.267 m³;

+ Thân khoáng sản số 3 (đới đá granit chưa phong hóa) là 2.081.862 m³;

+ Thân khoáng sản số 4 (đá phiến) là 404.916 m³;

+ Đất phủ làm vật liệu san lấp là 200.000 m³ (Khối lượng 141.008 m³ còn lại được sử dụng vào mục đích cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác mỏ)

- Công suất khai thác: 200.000 m³/năm.
- Công suất chế biến: Dây chuyền công nghệ nghiền sàng đá công suất 120 m³ đá sản phẩm/giờ.
- Công nghệ khai thác của dự án
 - + Đối với thân khoáng số 1 và số 2: Xúc bốc – Vận tải
 - + Đối với thân khoáng số 3 và số 4 Khoan nổ mìn - xúc bốc - vận tải về trạm nghiền sàng.
- Công nghệ chế biến của dự án: Đá sau khi khai thác từ khai trường được vận chuyển bằng ô tô về đổ vào bun ke cấp liệu rung. Đá được cấp liệu rung cấp vào máy nghiền hàm thô, sản phẩm của máy nghiền hàm thô được băng tải vận chuyển lên cụm máy sàng phân loại. Đá quá cỡ được chuyển về máy nghiền côn sau đó lại qua cụm máy sàng phân loại sau đó đưa tới bãi tập kết.

- Tuổi thọ mỏ là 30 năm.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án:

Nhà điều hành kiêm nhà nghỉ diện tích 150 m²; nhà ăn diện tích khoảng 60 m²; kho mìn diện tích khoảng 30 m²; giếng nước khoan; dây chuyền nghiền sàng đá; sân bãi chứa sản phẩm đá đã qua chế biến; khu vực kho; hệ thống đường giao thông nội bộ mở 2,5 km.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án.

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản mở

- Tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động đào đắp, mở vỉa, vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ thi công, xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ, lắp đặt hệ thống nghiền sàng, chế biến đá.

- Tác động do nước thải sinh hoạt của công nhân viên, người lao động.

- Tác động do nước mưa chảy tràn.

- Tác động do chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, đất đá thải từ quá trình thi công đường nội bộ, mở vỉa.

- Tác động do chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác, chế biến

- Tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động khoan; nổ mìn; nghiền; sàng; bốc xúc; vận chuyển đất đá thải, nguyên liệu, sản phẩm.

- Tác động do nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, người lao động.
- Tác động do nước mưa chảy tràn.
- Tác động do chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, đất đá thải từ quá trình khai thác.
- Tác động do chất thải nguy hại (dầu mỡ, pin, ắc quy thải, giẻ lau dính dầu...).

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản mở

- *Nước thải sinh hoạt*: Phát thải khoảng 1,2 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chứa cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh, nếu không được thu gom, xử lý và xả trực tiếp vào môi trường và nguồn tiếp nhận sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước khu vực tiếp nhận.

- *Nước mưa chảy tràn*: Nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn, bùn đất gây ô nhiễm môi trường thủy vực nơi tiếp nhận nếu không có giải pháp thu gom, tiêu thoát nước mưa chảy tràn trong quá trình triển khai dự án.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác, chế biến

- *Nước thải sinh hoạt*: Phát thải khoảng 2,52 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chứa cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh, nếu không được thu gom, xử lý và xả trực tiếp vào môi trường và nguồn tiếp nhận sẽ gây ô nhiễm môi trường đất, nước khu vực tiếp nhận.

- *Nước mưa chảy tràn*: Nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn, bùn đất gây ô nhiễm môi trường thủy vực nơi tiếp nhận nếu không có giải pháp thu gom, tiêu thoát nước mưa chảy tràn trong quá trình triển khai dự án.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản mở

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền, thi công đường vận chuyển, mở vỉa; vận chuyển đất đá thải, nguyên vật liệu thi công xây dựng; máy móc hoạt động trên công trường. Mức độ tác động không lớn, chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân trên công trường.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác, chế biến

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn phá đá thuộc dải hạt mịn (0,05 – 0,1mm) cùng với khói thuốc nổ lan tỏa theo chiều gió. Tải lượng bụi phát sinh trong quá trình khoan đá khoảng 315 kg/ngày, tải lượng bụi phát sinh trong quá trình nổ mìn khoảng 900 kg/ngày, tải lượng bụi phát sinh trong quá

trình bốc xúc, vận chuyển đá từ khu khai thác về khu chế biến khoảng 382,5 kg/ngày. Khí thải từ hoạt động khoan, nổ mìn (chủ yếu là CO₂ và N₂) khoảng 16,9 kg/ngày.

- Bụi phát sinh từ hoạt động chế biến, nghiền sàng đá vôi là khá lớn với mức độ tương đối cao, phạm vi tác động tại khu vực làm việc và khu vực xung quanh phụ thuộc vào hướng gió. Tải lượng bụi phát sinh trong quá trình nghiền, sàng đá khoảng 315 kg/ngày.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản mở

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát thải khoảng 6,0 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng phát thải khoảng 208,3 kg/ngày.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác, chế biến

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát thải khoảng 12,6 kg/ngày.

- Đất đá thải: Tổng khối lượng đất đá thải khoảng 341.008 m³, có thể sử dụng làm vật liệu san lấp.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản mở

Dầu mỡ thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc thi công, các loại thùng đựng dầu nhớt, vỏ chai đựng dầu mỡ và giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn điện hỏng, khối lượng phát thải trong cả giai đoạn thi công khoảng 10,0 kg/tháng.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác, chế biến

Chất thải nguy hại phát sinh gồm: Dầu nhớt thải khoảng 450 lít/năm; giẻ lau dầu mỡ khoảng 93 kg/năm; bao bì đựng vật liệu nổ công nghiệp và vật liệu nổ công nghiệp kém chất lượng không thể sử dụng, VLNCN hết hạn sử dụng khối lượng khoảng 25 – 40 kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

3.1. Công trình thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản mở

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: Tạo rãnh thoát nước mặt tạm thời theo độ cao địa hình khu vực.

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Đầu tư xây dựng bể tự hoại cải tiến thể tích 38 m³ để xử lý nước thải sinh hoạt.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác, chế biến

- *Hệ thống thu gom, thoát nước mưa*

+ *Khu vực khai thác*: Tạo các rãnh thoát nước và các hố lắng tạm thời theo khu vực khai thác, hướng thoát nước thuận theo địa hình tự nhiên, thường xuyên sửa chữa, nạo vét rãnh đảm bảo không bị tắc nghẽn, ngập úng.

+ *Khu vực phụ trợ*: Xây dựng hệ thống rãnh dọc theo các trục đường nội bộ chạy qua các vị trí cần thiết tại ở khu phụ trợ của dự án. Xây dựng các hố ga để thu lắng cặn (rãnh có chiều dài khoảng 250m với kích thước rãnh: 0,4m x 0,5m).

- *Công trình xử lý nước thải sinh hoạt*: Sử dụng bể tự hoại cải tiến 03 ngăn với tổng dung tích 38 m³ được xây dựng từ giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ.

3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, khẩu trang, kính, mũ,...) cho công nhân làm việc.

- Các phương tiện tham gia thi công phải đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo quy định đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Sử dụng xe phun nước giảm bụi tại tuyến đường vận chuyển tần suất tưới nước 2 lần/ngày.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác, chế biến

- *Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải do hoạt động khoan, nổ mìn*

+ Tuân thủ đúng quy trình, thiết kế nổ mìn theo đúng quy chuẩn QCVN 01: 2019/BCT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ).

+ Sử dụng thiết bị khoan thủy lực loại hiện đại.

- *Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi tại khu vực nghiền, sàng*

+ Che chắn khu vực nghiền sàng để giảm thiểu phát tán bụi

+ Trồng cây xanh xung quanh khu vực nghiền sàng ngăn bụi phát tán, giảm ô nhiễm môi trường.

+ Lắp đặt hệ thống dàn phun nước dập bụi tại dây chuyền nghiền sàng đá để dập bụi, hạn chế phát tán bụi ra xung quanh.

- *Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình bốc xúc, vận chuyển*

+ Sử dụng xe phun nước giảm bụi tần suất tưới nước 2 lần/ngày, những ngày nắng nóng, khô hanh thực hiện tưới nước với tần suất 4 lần/ngày.

+ Trồng cây xanh tại các khu vực phụ trợ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản mở

- *Đối với chất thải sinh hoạt*: bố trí các thùng chứa dung tích 200 lít đặt tại các khu vực phát sinh chất thải để phân loại thu gom chất thải sinh hoạt, hằng ngày xử lý bằng hình thức chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực mỏ.

- *Đối với chất thải rắn xây dựng*: Các loại phế liệu có thể tái sử dụng như bao bì xi măng, các mẫu sắt thép dư thừa... được thu gom bán cho đơn vị thu mua. Đất đá thải được sử dụng san lấp trong khuôn viên dự án.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác, chế biến

- *Đối với chất thải sinh hoạt*: Được phân loại, thu gom bằng các thùng chứa dung tích 200 lít đặt tại các khu vực phát sinh chất thải. Thuê đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Đối với đất đá thải*: Tổng khối lượng đất phủ là 341.008 m³; trong đó, 200.000 m³ và được sử dụng để làm vật liệu san lấp, khối lượng đất phủ còn lại là 141.008 m³ tương đương với 6.670 m³ được sử dụng vào mục đích san gạt tạo mặt bằng công trình mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác mỏ. Đất đá thải được tập kết tại bãi chứa tạm thời trong phạm vi mỏ.

3.4. Công trình thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản mở: Thu gom, lưu chứa tại thùng có nắp đậy loại 200 lít đặt tại khu vực công trường có dán nhãn để chứa chất thải nguy hại phát sinh (đặt ở nơi có mái che). Sau khi hoàn thành xây dựng cơ bản mở, đưa về kho chất thải nguy hại để lưu chứa.

b) Giai đoạn hoạt động khai thác, chế biến

- Chất thải nguy hại tại khu vực bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị được thu gom bằng các thùng chứa dung tích 100 lít.

- Xây dựng 01 kho chứa CTNH diện tích 10m² để lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại trước khi được vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy theo đúng quy định.

- Thuê đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy theo quy định về quản lý CTNH.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản mở

- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, không thi công vào buổi trưa và buổi tối.
- Công nhân thi công trên công trường sẽ được trang bị bảo hộ lao động hạn chế hoặc chống ồn như mũ bảo hiểm, chụp tai...

b) Giai đoạn hoạt động khai thác

- Thực hiện khoan, nổ mìn theo đúng hộ chiếu khoan nổ mìn được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Không nghiền, sàng đá vào buổi trưa và buổi tối.
- Lắp đặt thiết bị đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định hiện hành của Nhà nước; tăng chiều sâu móng, lắp đặt các đệm cao su giữa các mối nối để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân và các biện pháp đảm bảo an toàn lao động

3.6. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- *Khu vực khai trường khai thác:* Cải tạo sườn tầng, gia cố bờ moong bằng cách cày bỏ đá treo trong quá trình khai thác. Thực hiện san gạt, tạo mặt bằng ngay trong quá trình khai thác, phủ đất màu, trồng cây Lát hoa, mật độ 1.660 cây/ha để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác; cải tạo hệ thống thoát nước bề mặt, tái tạo hệ sinh thái và môi trường gần với trạng thái môi trường ban đầu.

- *Khu vực mặt bằng công nghiệp và công trình phụ trợ:* Sau khi kết thúc dự án tiến hành tháo dỡ các hạng mục công trình phụ trợ; san gạt, bổ sung đất màu rồi trồng cây Lát hoa với mật độ trồng 1.660 cây/ha và tu sửa rãnh thoát nước, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.

- *Khu vực bãi thải:* san gạt, bổ sung đất màu và tiến hành trồng cây Lát hoa với mật độ trồng 1.660 cây/ha.

b) Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường: 3.218.853.000 đồng, trong đó:
- Số lần ký quỹ: 28 lần.
- + Số tiền ký quỹ lần đầu,: 482.827.950 đồng.
- + Số tiền ký quỹ lần 2, 3, ..., 28 số tiền: 101.334.261 đồng/lần.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang.
- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Biện pháp đảm bảo an toàn lao động

- Xây dựng nội quy an toàn lao động và đăng ký với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội theo quy định.

- Xây dựng và niêm yết đầy đủ nội quy, quy trình vận hành an toàn tại nơi làm việc đối với các loại máy móc, thiết bị có nguy cơ gây mất an toàn lao động.

- Tuyên truyền giáo dục ý thức của công nhân và được tập huấn về an toàn lao động theo quy định.

- Khai thác theo đúng Thiết kế cơ sở đã được Sở Xây dựng thẩm định

- Trang bị đầy đủ dụng cụ, trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần cho công nhân lao động.

b) Biện pháp, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố kho vật liệu nổ công nghiệp

- Thực hiện nghiêm túc quy trình quy phạm quản lý sử dụng chất nổ, thực hiện khoan bắn nổ mìn đúng quy phạm.

- Người lao động phải thực hiện huấn luyện và cấp chứng chỉ về sử dụng chất nổ công nghiệp mới được làm việc tại mỏ.

- Chấp hành phương án nổ mìn, hộ chiếu khoan nổ mìn theo quy định đảm bảo tuyệt đối an toàn.

c) Biện pháp phòng chống cháy nổ

- Quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo đúng quy định.

- Trang bị đầy đủ hệ thống, thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy và hệ thống an toàn điện theo quy định.

- Xây dựng và niêm yết đầy đủ quy định về an toàn cháy nổ, an toàn sử dụng điện.

d) Biện pháp chống sạt lở đá

- Khai thác đúng Thiết kế cơ sở đã được Sở Xây dựng thẩm định, như: Đúng vị trí mở vỉa, cự ly biên giới, chiều cao tầng, góc dốc của từng tầng khai thác, sử dụng đúng phương tiện, thiết bị khai thác, chế biến đá vôi...

- Đường vận tải nội bộ đảm bảo các thông số kỹ thuật, không bị lún và sa lầy vào mùa mưa, có rãnh thoát nước dọc tuyến đường, độ dốc không quá 9-10%.

- Xây dựng hệ thống thoát nước mở đảm bảo thoát nước kịp thời, hạn chế sạt lở, xói mòn do mưa.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án.

4.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát 06 vị trí: khu dân cư; khu bãi thải; tuyến đường vận chuyển; khu vực khai trường số 1; khu khai trường số 2; khu chế biến (thực hiện sau khi lắp đặt dây chuyền nghiền sàng).

- Thông số quan trắc: Vi khí hậu, hàm lượng bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT và QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

4.2. Giám sát môi trường nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả sau khi qua bể tự hoại.

- Thông số phân tích: pH, TSS, DO, BOD₅, COD, Tổng N, Tổng dầu mỡ, Coliform.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14 : 2008/BTNMT (Cột B1, hệ số K=1) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

4.3. Giám sát chất thải rắn

- Giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh tại các khu vực xây dựng phụ trợ của dự án theo từng chủng loại.

- Tần suất: 3 tháng/lần.

5. Các điều kiện kèm theo.

5.1. Tuân thủ đúng các quy định hiện hành về Quy phạm kỹ thuật khai thác, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên và các giải pháp xử lý chất thải rắn, tiếng ồn, rung chấn, bụi, nước thải, khí thải trong quá trình khai thác, chế biến phải đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định hiện hành về Quy chuẩn môi trường Việt Nam.

5.2. Quá trình triển khai dự án, chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc kế hoạch bóc lớp đất phủ bề mặt, xử lý thảm thực bì phù hợp với tiến độ triển

khai dự án, nhu cầu diện tích sử dụng đất thực tế của hoạt động khai thác với phương châm khai thác đến đâu xử lý đến đó đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học.

5.3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.4. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quản lý và giám sát môi trường; tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.5. Thực hiện ký quỹ trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày được cấp giấy phép khai thác và ký quỹ hàng năm theo đúng quy định (ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang). Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản mà thời hạn của giấy phép khác với thời gian đã tính trong Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt thì đơn vị phải tính toán lại khoản tiền ký quỹ hàng năm phù hợp với thời hạn của giấy phép khai thác khoáng sản và gửi báo cáo về cơ quan có thẩm quyền để xem xét, điều chỉnh.

5.6. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với nhân dân địa phương, người lao động tham gia thi công và khi dự án đi vào vận hành hoạt động.

5.7. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.
